

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1565	55	Trần Thị Tiêm		1923		Bưng cơ	KTDBNCT	750	1.500	
1566	56	Lê Thị Bích Phượng		01/21/12		ấp Bình Lâm	KTDBNTE	750	1.500	
1567	57	Trần Văn Bo	03/29/11			Tổ 8, ấp Hàng Gòn	KTDBNTE	750	1.500	
1568	58	Trần Văn Quý	12/27/12			Ấp Hàng Gòn	KTDBNTE	750	1.500	
1569	59	Bùi Thị Thôn		00/00/1935		Bưng Cơ	CT	300	1.500	
1570	60	Bùi Vĩnh Trần	1918			Thanh Bình	CT	300	1.500	
1571	61	Dương Thị Tư		01/01/39		Tổ 7, Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1572	62	Dương Thị Út		01/01/30		Bưng cơ	CT	300	1.500	
1573	63	Đào Thị Lâm		00/00/1935		Bưng Cơ	CT	300	1.500	
1574	64	Đặng Thị Ràng		01/01/1937		Ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1575	65	Đặng Thị Tường		01/01/38		Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1576	66	Đỗ Thị Thu		01/01/36		Ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1577	67	Hồ Thị Kép		01/01/40		Bưng Cơ, Lộc An	CT	300	1.500	
1578	68	Huỳnh Thị Dĩa		01/01/36		Ấp Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1579	69	Huỳnh Thị Năm		01/01/39		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1580	70	Huỳnh Văn Ngọc	01/01/39			Bưng Cơ	CT	300	1.500	
1581	71	Huỳnh Văn Sáng	01/01/30			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1582	72	Lâm Nhơn Hòa	01/01/40			Bưng Cơ, Lộc An	CT	300	1.500	
1583	73	Lê Thị Chung		01/01/40		Thanh Bình, Lộc An	CT	300	1.500	
1584	74	Lê Thị Khuê		01/01/39		Tổ 10, Bình Lâm	CT	300	1.500	
1585	75	Lê Thị Lươn		00/00/1935		Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1586	76	Lê Thị Tư		01/01/39		Tổ 10, Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1587	77	Lê Văn Đăng	01/01/1937			ấp Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1588	78	Lê Văn Ron	02/09/40			Bưng Cơ	CT	300	1.500	
1589	79	Lê Văn Ruông	01/01/1937			Ấp Thanh bình	CT	300	1.500	
1590	80	Lê Văn Xi	01/01/38			Thanh Bình, Lộc An	CT	300	1.500	
1591	81	Lý Văn Thành	01/01/39			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1592	82	Ngô Văn Ngót	00/00/1935			Bưng Cơ	CT	300	1.500	
1593	83	Nguyễn Quang Thắng	02/20/40			Tổ 12, Bình Lâm	CT	300	1.500	
1594	84	Nguyễn Thị Bông		01/01/31		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1595	85	Nguyễn Thị Bông		01/01/39		Bình Lâm	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1596	86	Nguyễn Thị Bồng		01/01/40		Tổ 11, Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1597	87	Nguyễn Thị Cúc		01/01/1937		Áp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1598	88	Nguyễn Thị Dậy		01/01/33		Bung Cơ	CT	300	1.500	
1599	89	Nguyễn Thị Định		01/01/1936		Tổ 2, Áp Bung Cơ	CT	300	1.500	
1600	90	Nguyễn Thị Đồng		01/01/31		Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1601	91	Nguyễn Thị Giang		01/01/34		Hàng Gòn, Lộc An	CT	300	1.500	
1602	92	Nguyễn Thị Hòa		01/01/38		Hàng Gòn, Lộc An	CT	300	1.500	
1603	93	Nguyễn Thị Hội		1922		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1604	94	Nguyễn Thị Khinh		01/01/40		Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1605	95	Nguyễn Thị Na		01/01/36		Áp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1606	96	Nguyễn Thị Ngon		01/01/31		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1607	97	Nguyễn Thị Ngon		01/01/34		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1608	98	Nguyễn Thị Sầu		01/01/38		Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1609	99	Nguyễn Thị Sờ		1932		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1610	100	Nguyễn Thị Sợi		01/01/40		Hàng Gòn, Lộc An	CT	300	1.500	
1611	101	Nguyễn Thị Tài		01/01/1937		Áp Bung cơ	CT	300	1.500	
1612	102	Nguyễn Thị Tám		01/01/1937		Áp Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1613	103	Nguyễn Thị Tư		01/01/29		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1614	104	Nguyễn Thị Tỷ		1932		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1615	105	Nguyễn Thị Thắm		00/00/1935		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1616	106	Nguyễn Thị Thầu		01/01/39		Tổ 3, Bung Cơ	CT	300	1.500	
1617	107	Nguyễn Thị Vân		00/00/1935		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1618	108	Nguyễn Thị Vui		1921		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1619	109	Nguyễn Văn Bé	01/01/38			Thanh Bình, Lộc An	CT	300	1.500	
1620	110	Nguyễn Văn Bộ	1933			Thanh Bình	CT	300	1.500	
1621	111	Nguyễn Văn Cảnh	1932			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1622	112	Nguyễn Văn Cao	01/01/30			Bình Lâm	CT	300	1.500	
1623	113	Nguyễn Văn Hân	00/00/1935			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1624	114	Nguyễn Văn Huỳnh	01/01/29			Bình Lâm	CT	300	1.500	
1625	115	Nguyễn Văn No	01/01/39			Tổ 8, Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1626	116	Nguyễn Văn Tàn	01/01/36			Áp Bình Lâm	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1627	117	Nguyễn Văn Thuận	07/01/39			ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1628	118	Nguyễn Văn Tròn	01/01/1937			Ấp Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1629	119	Phạm Thị Ba		01/01/39		Bình Lâm	CT	300	1.500	
1630	120	Phạm Thị Giu		01/01/36		Ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1631	121	Phạm Thị Hương		01/01/40		Thanh Bình, Lộc An	CT	300	1.500	
1632	122	Phạm Văn Vàng	01/01/34			Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1633	123	Phan Thị Bé		01/01/39		Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1634	124	Phan Văn Nhân	01/01/38			Tổ 3, Hàng Gòn, Lộc An	CT	300	1.500	
1635	125	Trần Đức Kỳ	01/01/38			Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1636	126	Trần Thị Đào		01/01/38		Tổ 8, Hàng Gòn, Lộc An	CT	300	1.500	
1637	127	Trần Thị Vy		01/01/28		Thanh Bình	CT	300	1.500	
1638	128	Trần Văn Bút	1933			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1639	129	Trần Văn Tý	01/01/40			Bình Lâm, Lộc An	CT	300	1.500	
1640	130	Tương Thị Bé		01/01/1937		Ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1641	131	Võ Thị Ranh		01/01/1937		Ấp Bình Lâm	CT	300	1.500	
1642	132	Võ Xảo	01/01/35			Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1643	133	Vũ Thị Đông		09/15/28		Bình Lâm	CT	300	1.500	
		XÃ BÌNH SON							772.400	
1644	1	Nguyễn Phước Khang	02/04/07			Ấp 10, xã Bình Sơn	TEM C	450	1.500	
1645	2	Nguyễn Phước Tiến	03/23/10			Ấp 10, xã Bình Sơn	TEM C	450	1.500	
1646	3	Nguyễn Thị Mộng Tuyền		05/03/05		Ấp Suối Trầu 3	TEM C	450	1.500	
1647	4	Nguyễn Thị Yến Trang		08/07/19		Suối Trầu 3	TEM C	450	1.500	
1648	5	Trần Anh Đào		12/09/01		ấp Cẩm Đường 2	TEM C	450	1.500	
1649	6	Trần Nhật Hào	03/9/2002			Ấp 10	TEM C	450	1.500	
1650	7	Trần Quang Sáng	11/12/07			Ấp 6	TEM C	450	1.500	
1651	8	Lê Thị Yên		02/16/07		ấp Cẩm Đường 2	TEM C	450	1.500	
1652	9	Đỗ Thị Kim Hoa		08/12/56		Suối Trầu 1, Bình Sơn	NDT 1 con	300	1.500	
1653	10	Trần Thị Khâm		01/01/74		01/10/00	NDT 1 CON	300	1.500	BS ngày 18.5
1654	11	Lê Thị Diễm Thu		07/31/78		Ấp Suối Trầu 1	NDT 02 con	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1655	12	Đặng Đình Hai	11/01/47			Áp 7	GCD<80T	450	600	Đã nhận 900 hồ trợ vé số
1656	13	Đoàn Thị Vân		11/01/46	271395151	áp 9	GCD<80T	450	1.500	
1657	14	Đỗ Thị Bé		01/01/46	272468707	Suối Trầu 3, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1658	15	Lê Thị Yên		03/14/54	271382253	Suối Trầu 3, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1659	16	Mai Thị Chúng		12/05/52	271342008	Áp 1	GCD<80T	450	600	Đã nhận 900 hồ trợ vé số
1660	17	Mai Văn Ngọ	07/28/58		272351144	Suối Trầu 1, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1661	18	Nguyễn Thị Vinh		10/10/56		Áp 1, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1662	19	Nguyễn Văn Bá	01/01/1957		272115480	Áp 1	GCD<80T	450	600	Đã nhận 900 hồ trợ vé số
1663	20	Phạm Thị Oanh		00/00/1956	272567129	Áp 1	GCD<80T	450	1.500	
1664	21	Phan Thị Liên		01/01/58		Áp 7	GCD<80T	450	600	Đã nhận 900 hồ trợ vé số
1665	22	Trần Thị Bảy		01/01/46	200700105	Áp 8	GCD<80T	450	1.500	
1666	23	Trần Thị Dừa		01/01/53		Áp 8, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1667	24	Trần Thị Hoa		02/02/51	270245715	Áp 8, Bình Sơn	GCD<80T	450	1.500	
1668	25	Trần Thị Vinh		01/25/52		Áp 11	GCD<80T	450	1.500	
1669	26	Võ Thị Hương		02/29/44	241120391	áp 8	GCD<80T	450	1.500	
1670	27	Bùi Thị Thúy		00/00/1940		Áp 5	GCD>80T	600	1.500	
1671	28	Nguyễn Thị Liễu		01/01/40	272115549	Áp 6	GCD>80T	600	1.500	
1672	29	Trần Văn Hùng	1970		270289108	áp 3	KTN	450	1.500	
1673	30	Vũ Thị Hòa		08/04/66	125782067	áp 1	KTN	450	1.500	
1674	31	Trần Văn Minh	01/01/61		272605093	áp 11	KTN	450	1.500	
1675	32	Phạm Thị Ngọc Diệu		01/25/72	271495548	áp 10	KTN	450	1.500	
1676	33	Trương Văn Nhuận	04/04/95			áp 11	KTN	450	1.500	
1677	34	Phạm Công Đăng	01/01/63			áp 11	KTN	450	1.500	
1678	35	Ng. Ngọc Bảo Uyên		12/25/87	271268415	Áp 1	KTN	450	1.500	
1679	36	Trần Xuân Dũng	01/01/65			Áp 10	KTN	450	1.500	
1680	37	Hoàng Trần Duyên Nữ		04/12/68		áp 3	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng BHXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1681	38	Ngư mai Thanh Thủy		30/10/1984	271097743	Ấp 10	KTN	450	1.500	
1682	39	Nguyễn Văn Thanh	00/00/1971		271886266	Ấp 11	KTN	450	1.500	
1683	40	Vũ Viết Chi	16/11/1980		272209878	Ấp 11	KTN	450	1.500	
1684	41	Ng. thi Trang Phương		04/27/80	271337417	Ấp 10	KTN	450	1.500	
1685	42	Đinh Văn Nền	01/01/61			ấp 1	KTN	450	1.500	
1686	43	Nguyễn Văn Bản	20/5/1968		271382138	ấp 10	KTN	450	1.500	
1687	44	Lê Thị Dung		12/12/77	270809574	ấp 9	KTN	450	1.500	
1688	45	Bùi Thị Ngọc Trúc		04/19/82	272116913	ấp 1	KTN	450	1.500	
1689	46	Trần Minh Đức	01/01/76		270320044	ấp 10	KTN	450	1.500	
1690	47	Cao Viết Vinh	01/01/77		272006986	ấp 10	KTN	450	1.500	
1691	48	Võ Văn Tiến	18/7/1992			ấp 10	KTN	450	1.500	
1692	49	Bùi Thị Ngọc Hôn		04/14/97	271281322	ấp 1	KTN	450	1.500	
1693	50	Nguyễn Thị Kim Chi		01/01/73	271953418	Ấp 9	KTN	450	1.500	
1694	51	Thiếu Tấn Phát	12/12/87		270290819	Ấp 10	KTN	450	1.500	
1695	52	Lưu Thị Thanh		12/01/76		Ấp 1	KTN	450	1.500	
1696	53	Ngô Tiến Thạch	08/15/98		271996322	ấp 7	KTN	450	1.500	
1697	54	Đỗ Thị Tình		09/29/79	272351144	Ấp 9	KTN	450	1.500	
1698	55	Trần Thị Thanh Thanh	10/07/98		bệnh không có(2713821	Ấp 6	KTN	450	1.500	
1699	56	Huỳnh Thanh Tùng	03/26/78			Ấp 10	KTN	450	1.500	
1700	57	Đặng Văn Tâm	0/0/1967		271337723	Ấp 2	KTN	450	1.500	
1701	58	Nguyễn Văn Tâm		0/0/1978	271627280	Ấp 1	KTN	450	1.500	
1702	59	Nguyễn Thanh Hoàng	03/24/84		271191885	Ấp 9	KTN	450	1.500	
1703	60	Trần Hữu Quốc	01/01/78		271342276	Ấp 1	KTN	450	1.500	
1704	61	Trần Thế Cao	06/27/81			Ấp 9	KTN	450	1.500	
1705	62	Nguyễn Thị Kim Phượng		08/14/87	271909914	Ấp 9	KTN	450	1.500	
1706	63	Trần Phi Hùng	01/01/1982		nhỏ (271199177 m	Ấp 10	KTN	450	1.500	
1707	64	Trương Gia Minh	07/20/62		272116911	ấp 9	KTN	450	1.500	
1708	65	Phạm Thị Huệ		01/01/61		Ấp 8	KTN	450	1.500	
1709	66	A Bu Sa Mach	01/01/63			Ấp 6	KTN	450	1.500	
1710	67	Lê Văn Hùng	03/08/82		270807195	Ấp 9	KTN	450	1.500	
1711	68	Trần Thị Thu Sương		04/17/81	271337763	Ấp 9, Bình Sơn	KTN	450	1.500	
1712	69	Phạm Thị Bích Huyền		11/22/88		Phước Hòa-LP	KTN	450	1.500	
1713	70	Nguyễn Thị Thu		01/01/69	271342008	Ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1714	71	Trần Thị Nhiên		08/19/61	272300946	ấp 3	KTN	450	1.500	
1715	72	Vương Hùng	10/01/84		270245715	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1716	73	Bùi Thị Trà Giang		01/22/92		ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1717	74	Trần Hoài Nhân	00/00/1969		272209979	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1718	75	Vương Quốc Sinh	01/01/82		272078684	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1719	76	Nguyễn Thị Cúc		01/01/72	271317046	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1720	77	Phạm Thị Hiền		12/29/87	11	ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1721	78	Nguyễn Thị Hoa		01/01/72		ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1722	79	Nguyễn Huy Hoàng	06/12/76		271963706	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1723	80	Mai Thanh Nhân	11/24/86	TT không có	27028904	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1724	81	Phạm Hồng Sơn	12/26/97			ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1725	82	Phạm Mỹ Linh		11/06/91	272214883	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1726	83	Nguyễn Vây Kiên	04/04/89			ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1727	84	Lê Ân Liêm	00/00/1965		271776668	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1728	85	Lê Thị Ngọc Hương		28/10/1961	271864429	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1729	86	Đặng Thành	03/02/1982		270953574	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1730	87	Nguyễn Văn Mạnh	01/01/80			ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1731	88	Đỗ Thị Phương		04/15/66	271268372	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1732	89	Bùi Thị Phìn		01/01/74	290706128	ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1733	90	Nguyễn Thị Thu		01/01/65	271495425	ấp Suối Trầu 2	KTN	450	1.500	
1734	91	Lộc Văn Bình	01/01/65		272951984	ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1735	92	Ng. Thị Phương Trang		03/24/90	271779913	ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1736	93	Nguyễn Minh Phước	05/14/78			ấp Suối Trầu 1	KTN	450	1.500	
1737	94	Trần Thị Kim Yến		01/01/86		ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1738	95	Trần Thị Mẫu		10/25/61	kg có (270969513	ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1739	96	Tôn Minh Cường	11/05/83		272706705	ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1740	97	Dương Quốc Bảo	11/23/96			ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
1741	98	Bùi Quang Thắng	00/00/1971		272115446	ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1742	99	Sơn Văn Tiến	03/23/99			ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1743	100	Phạm Thị Bích Ngọc		03/10/70	272351563	ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1744	101	Phạm Thành Công	12/08/74		270279165	ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1745	102	Nguyễn Thị Hào		20/11/1978	272107914	ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	
1746	103	Võ Thị Nhị		07/12/83		ấp Cẩm Đường 2	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1747	104	Trần Thị Thanh Hiền		08/10/03	271268668	ấp Suối Trầu 3	KTN	450	1.500	
1748	105	Nguyễn Thị Kim Ngân		01/02/02		Ấp 6	KTN	450	1.500	
1749	106	Vũ Đức Long	04/08/76		271382253	Ấp 10	KTN	450	1.500	
1750	107	Phạm Thị Ngọc Phương		02/16/79		Ấp 10	KTN	450	1.500	
1751	108	Phạm Ngọc Thanh	01/08/69			Ấp 10, Bình Sơn	KTN	450	1.500	
1752	109	Đặng Thị Xuân		06/01/40	270317896	Ấp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1753	110	Đặng Thọ	14/5/1941			ấp Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
1754	111	Đỗ Thị Nhân		01/01/60	270354549	Ấp 9	KTNCT	600	1.500	
1755	112	Đỗ Văn Thành	10/10/44		272043077	Ấp 9	KTNCT	600	1.500	
1756	113	Hồ Văn Đơn	01/12/1953		270953525	Ấp Suối Trầu 2	KTNCT	600	1.500	
1757	114	Huỳnh Kim Cương	01/03/52		320220139	Ấp 8	KTNCT	600	1.500	
1758	115	Lê Thị Ba		01/01/56	270376470	ấp 10	KTNCT	600	1.500	
1759	116	Lương Thị Hà	04/05/38		270317896	Ấp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1760	117	Ngô Quang Cả	01/01/36		270317807	Ấp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1761	118	Nguyễn Đăng Tây	1940		272107509	ấp Suối Trầu 2	KTNCT	600	1.500	
1762	119	Nguyễn Hữu Dũng	01/01/39		270302958	Ấp Suối Trầu 2	KTNCT	600	1.500	
1763	120	Nguyễn Lĩa	06/15/37		;220144433	Ấp 7	KTNCT	600	1.500	
1764	121	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/1956	270288441	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
1765	122	Nguyễn Thị Hiền		01/01/48		Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
1766	123	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1957	271191921	Ấp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1767	124	Nguyễn Thị Minh		10/10/1937	270829813	Ấp 10	KTNCT	600	1.500	
1768	125	Nguyễn Thị Nở		1957	270807068	Ấp 6	KTNCT	600	1.500	
1769	126	Nguyễn Thị Ngọc Suong		01/01/34	270317896	Ấp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1770	127	Nguyễn Thị Phương		01/01/47	270284596	Ấp 10	KTNCT	600	1.500	
1771	128	Nguyễn Thị Vân		01/01/39	272146374	Ấp 10	KTNCT	600	1.500	
1772	129	Nguyễn Văn Chánh	10/02/54		270376504	ấp 6	KTNCT	600	1.500	
1773	130	Nguyễn Văn Hùng	01/01/58		270288942	Ấp 2	KTNCT	600	1.500	
1774	131	Nguyễn Văn Lộc	02/10/58		170325833	Ấp Cẩm Đường, Bình Sơn	KTNCT	600	1.500	
1775	132	Nguyễn Văn Minh	1956		270377096	ấp 10	KTNCT	600	1.500	
1776	133	Nguyễn Văn Nguyễn	00/00/1941		270376342	ấp 2	KTNCT	600	1.500	
1777	134	Nguyễn Văn Tý	01/01/58		270376551	Ấp 9	KTNCT	600	1.500	
1778	135	Phạm Văn Đông	01/01/39		270692638	Ấp Suối Trầu 3	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1779	136	Phạm Văn Tồn	06/20/57		272113484	Áp Cẩm Đường 2	KTNCT	600	1.500	
1780	137	Phạm Xuân Nga	01/01/55		270377023	áp 4	KTNCT	600	1.500	
1781	138	Phan Thị Nhon		09/10/50	270317855	Áp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1782	139	Phan Thị Thuận		1940		Cẩm đường	KTNCT	600	1.500	
1783	140	Sabetamed-Nguyễn Tấn Lộc	08/22/53		270288486	Áp 6	KTNCT	600	1.500	
1784	141	Trần Đình Doanh	04/05/46		272351144	Áp 11	KTNCT	600	1.500	
1785	142	Trần Ngọc Bái	10/20/50		272107527	Áp Suối Trầu 2	KTNCT	600	1.500	
1786	143	Trần Văn Bồi	25/5/1959		170325833	áp 8	KTNCT	600	1.500	
1787	144	Trần Văn Chánh	12/07/52		270284283	áp Suối Trầu 1	KTNCT	600	1.500	
1788	145	Trần Văn Huân	00/00/1954		270276436	Áp 10	KTNCT	600	1.500	
1789	146	Trần Văn Kế	02/19/52		271605850	Suối Trầu 3	KTNCT	600	1.500	
1790	147	Trần Văn Lợi	00/00/1947		272078042	Áp 9	KTNCT	600	1.500	
1791	148	Trần Văn Minh	1951		270291534	áp 7	KTNCT	600	1.500	
1792	149	Trần Văn Siêu	01/20/60		tt không có	Áp 3 Bình	KTNCT	600	1.500	
1793	150	Trần Văn Vinh	01/14/58		2721132261	Áp 10	KTNCT	600	1.500	
1794	151	Trương Văn Lợi	00/00/1953		270307570	áp 10	KTNCT	600	1.500	
1795	152	Vũ Văn Minh	05/02/1941			Áp 1	KTNCT	600	1.500	
1796	153	Vũ Văn Minh	07/5/1956			Áp Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
1797	154	Hồ Thị Ngọc Nhi		03/30/12		Áp 6	KTNTE	600	1.500	
1798	155	La Bảo Tường	09/15/11			Áp 10	KTNTE	600	1.500	
1799	156	Lê Công Thành	03/15/13			Áp 8	KTNTE	600	1.500	
1800	157	Nguyễn Đình Anh Thư		03/09/06		áp Cẩm Đường	KTNTE	600	1.500	
1801	158	Nguyễn Hoàng Phúc	08/26/04			Áp Suối Trầu 3	KTNTE	600	1.500	
1802	159	Nguyễn Hoàng Vạn Phúc	03/26/11			Áp 10	KTNTE	600	1.500	
1803	160	Nguyễn Văn Sang	01/26/08			Áp 11	KTNTE	600	1.500	
1804	161	Nguyễn Văn Trung	01/24/12			Áp 1	KTNTE	600	1.500	
1805	162	Nguyễn Thành Long Giang	02/11/08			Áp 6	KTNTE	600	1.500	
1806	163	Appoloh	01/01/80		271382143	áp 6	KTĐBN	600	1.500	
1807	164	Ashari	00/00/1961		270288615	Áp 10	KTĐBN	600	1.500	
1808	165	Bùi Trí Đức	03/25/72		271097044	Áp Suối Trầu 1	KTĐBN	600	1.500	
1809	166	Dương Hoàng	09/08/79		271337709	Áp Suối Trầu 2	KTĐBN	600	1.500	
1810	167	Đặng Tuấn Kiệt	05/16/03			áp 3	KTĐBN	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1811	168	Đặng Thị Kim Lý		06/25/94	272468626	ấp Cẩm Đường 2	KTDBN	600	1.500	
1812	169	Đỗ Lê Quỳnh Thư		02/27/02		ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1813	170	Đỗ Ngọc Quỳnh	11/11/67		272300949	ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1814	171	Đỗ Xuân Huyền	10/10/82			ấp 1	KTDBN	600	1.500	
1815	172	Hà Thị Oanh		01/01/00		ấp 9	KTDBN	600	1.500	
1816	173	Hoàng Thị An		02/18/91	272300725	ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1817	174	Hoàng Thị Tiên		05/02/84	276060807	ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1818	175	Hoàng Trung Tín	12/12/02			ấp 1	KTDBN	600	1.500	
1819	176	Hồ Thị Minh Ánh		11/26/71	272116863	ấp 6	KTDBN	600	1.500	
1820	177	Huỳnh Công Sơn	1988				KTDBN	600	1.500	
1821	178	Huỳnh Thị Riết		01/01/62	270272061	ấp 6	KTDBN	600	1.500	
1822	179	Lê Bá Duy	01/18/83		271495408	ấp 7	KTDBN	600	1.500	
1823	180	Lê Tấn Đạt	07/15/93			ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1824	181	Ng. Thị Hồng Vân		11/15/85	270297150	ấp Suối Trầu 2	KTDBN	600	1.500	
1825	182	Ng. thi Ngọc Diễm		23/11/1984	271627388	ấp 10	KTDBN	600	1.500	
1826	183	Ng. thi Thu Nguyệt		08/02/91		ấp 3	KTDBN	600	1.500	
1827	184	Nguyễn Chí Hùng	04/6/1983		271605986	ấp 3	KTDBN	600	1.500	
1828	185	Nguyễn Đức Hợp	12/23/95			ấp Suối Trầu 1	KTDBN	600	1.500	
1829	186	Nguyễn Quốc Thành	02/18/90			ấp Xã Hoàng	KTDBN	600	1.500	
1830	187	Nguyễn Tấn Phát	02/12/97		272656189	ấp 10	KTDBN	600	1.500	
1831	188	Nguyễn Tiến Thư	11/12/84		271864758	ấp 4	KTDBN	600	1.500	
1832	189	Nguyễn Thanh Sơn	1978		271268186	ấp 7	KTDBN	600	1.500	
1833	190	Nguyễn Thị Bích Vân		12/15/80		ấp Suối Trầu 2	KTDBN	600	1.500	
1834	191	Nguyễn Thị Duyên		05/25/88		ấp 11	KTDBN	600	1.500	
1835	192	Nguyễn Thị Dư		01/01/76		Suối quýt-CD	KTDBN	600	1.500	
1836	193	Nguyễn Thị Hiền		08/20/60	272522355	ấp Cẩm Đường 2	KTDBN	600	1.500	
1837	194	Nguyễn Thị Kim Luyến		1967		ấp Cẩm Đường 2	KTDBN	600	1.500	
1838	195	Nguyễn Thị Tuyền		12/10/63		125/26/ Tổ 2, Xã Hoàng-LA	KTDBN	600	1.500	
1839	196	Nguyễn Thị Thanh Thu		10/05/90	270377116	ấp 10	KTDBN	600	1.500	
1840	197	Nguyễn Thị Vương		07/25/89	270807297	ấp 8	KTDBN	600	1.500	
1841	198	Nguyễn Thị Xuyên		10/20/65	272523354	ấp Cẩm Đường 2	KTDBN	600	1.500	
1842	199	Nguyễn Thị Yến Nhi		03/02/01		ấp 1	KTDBN	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1843	200	Nguyễn Văn Hải	03/12/61		270317385	ấp Suối Trầu 1	KTĐBN	600	1.500	
1844	201	Nguyễn Văn Ninh	10/15/77			Ấp 11	KTĐBN	600	1.500	
1845	202	Nguyễn Văn Sơn	01/01/66		270692931	Ấp Suối Trầu 1	KTĐBN	600	1.500	
1846	203	Nguyễn Văn Trung	10/08/91		TT không có	ấp 8	KTĐBN	600	1.500	
1847	204	Nguyễn Xuân Quang	08/20/76		272309876	ấp Suối Trầu 3	KTĐBN	600	1.500	
1848	205	Ỗn Thị Ngọc Tươi	11/30/99		272113013	Ấp Suối Trầu 1	KTĐBN	600	1.500	
1849	206	Phạm Minh Hiền	05/01/76		272350667	Ấp 10	KTĐBN	600	1.500	
1850	207	Phạm Quốc Đạt	10/11/02			ấp 11	KTĐBN	600	1.500	
1851	208	Phạm Thị Kim Linh		12/13/67		ấp 1	KTĐBN	600	1.500	
1852	209	Phạm Thị Ngọc Thùy		10/27/86	272350666	Ấp 10	KTĐBN	600	1.500	
1853	210	Phạm Thị Thanh Vân		11/03/78	272604633	ấp Cẩm Đường 2	KTĐBN	600	1.500	
1854	211	Tăng Kim Giang		04/20/88	272115623	ấp 7	KTĐBN	600	1.500	
1855	212	Trần Đăng Tuấn	02/14/80		272442321	Ấp Cẩm Đường 2	KTĐBN	600	1.500	
1856	213	Trần Thái Thành	12/14/90		272116023	Ấp 7	KTĐBN	600	1.500	
1857	214	Trần Thị Cam		01/01/74	272209877	ấp Suối Trầu 3	KTĐBN	600	1.500	
1858	215	Trần Thị Ngọc Mai		12/27/01		ấp Suối Trầu 3	KTĐBN	600	1.500	
1859	216	Trần Văn Bình	10/01/84		271627815	Ấp Suối Trầu 3	KTĐBN	600	1.500	
1860	217	Trần Văn Hòa	05/23/76		2712683389	Ấp 7	KTĐBN	600	1.500	
1861	218	Trần Văn Mười	1966		tt không có	Ấp 4	KTĐBN	600	1.500	
1862	219	Trịnh Hoàng Minh	03/25/72		tt không có	ấp 3	KTĐBN	600	1.500	
1863	220	Trịnh Thị Ngọc		04/15/91	272116068	ấp 7	KTĐBN	600	1.500	
1864	221	Trương Văn Anh	27/5/1989		272115648	ấp 7	KTĐBN	600	1.500	
1865	222	Võ Chín	04/01/87		272137735	ấp Suối Trầu 2	KTĐBN	600	1.500	
1866	223	Võ Thị Hạnh		00/00/1976	271337831	ấp Suối Trầu 2	KTĐBN	600	1.500	
1867	224	Võ Thị Nhung		12/13/83	271627820	ấp Suối Trầu 2	KTĐBN	600	1.500	
1868	225	Bùi Thị Kim Hoa		11/12/40	270317707	Suối Trầu 1, Bình Sơn	KTĐBNCT	750	1.500	
1869	226	Đặng Thị Hợi		01/01/1943		Ấp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
1870	227	Đỗ Văn Dân		18/4/1950		Phước Hòa-LP	KTĐBNCT	750	1.500	
1871	228	Hà Thị Bê		01/01/42		ấp 10	KTĐBNCT	750	1.500	
1872	229	Hồ Thị Hồng		01/01/1935	260422543	Ấp 6	KTĐBNCT	750	1.500	
1873	230	Hồ Thị Vinh		10/10/52	272114617	ấp 9	KTĐBNCT	750	1.500	
1874	231	Lê Như Thứ	03/10/52		272434459	Ấp 6	KTĐBNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1875	232	Lê Tuyên	05/02/53		270953601	Ấp 9, Bình Sơn	KTDBNCT	750	1.500	
1876	233	Nguyễn Đệ	02/02/34		270317717	Ấp Suối Trầu 1	KTDBNCT	750	1.500	
1877	234	Nguyễn Thị Cào		1951		ấp 3	KTDBNCT	750	1.500	
1878	235	Nguyễn Thị Chất	01/01/29		272113004	ấp Suối Trầu 2	KTDBNCT	750	1.500	
1879	236	Nguyễn Thị Duyên		10/20/45		Ấp Cẩm Đường 2	KTDBNCT	750	1.500	
1880	237	Nguyễn Thị Liên		05/19/44		Ấp 3, Bình Sơn	KTDBNCT	750	1.500	
1881	238	Nguyễn Thị Nguinh		01/01/37	272107510	Ấp Suối Trầu 2	KTDBNCT	750	500	Chết 22/4/2020
1882	239	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/31	270807854	ấp 10	KTDBNCT	750	1.500	
1883	240	Nguyễn Thị Nhân		01/01/38	270230073	Ấp 3	KTDBNCT	750	1.500	
1884	241	Nguyễn Thị Thi		06/5/1956	272225328	Ấp 4	KTDBNCT	750	1.500	
1885	242	Nguyễn Viết Lai	1937		270377319	Ấp 3	KTDBNCT	750	1.500	
1886	243	Phạm Thị Minh		01/01/40	270317707	Ấp Suối Trầu 1	KTDBNCT	750	1.500	
1887	244	Phạm Thị Vy		00/00/1936	270317803	Ấp Suối Trầu 1	KTDBNCT	750	1.500	
1888	245	Trần Đình Ân	20/03/1954		271996935	Ấp 10	KTDBNCT	750	1.500	
1889	246	Trần Đình Trầm	08/10/47		272146122	Ấp 9	KTDBNCT	750	1.500	
1890	247	Trần Thị Tâm		01/01/42		Ấp 11	KTDBNCT	750	1.500	
1891	248	Trần Văn Lành	01/01/948		270288970	Ấp 4, Bình Sơn	KTDBNCT	750	1.500	
1892	249	Võ Thị Bạch Hoa		01/01/39	270298502	ấp 8	KTDBNCT	750	1.500	
1893	250	Võ Thị Long		07/25/47		Cẩm Đường	KTDBNCT	750	1.500	
1894	251	Vương Thị Liên		12/12/53	272209488	ấp 7	KTDBNCT	750	1.500	
1895	252	Hoàng Kim Bảo Ngọc		08/18/13		Ấp Suối Trầu 1	KTDBNTE	750	1.500	
1896	253	Huỳnh Gia Huy	09/16/13			Ấp 3	KTDBNTE	750	1.500	
1897	254	Huỳnh Nguyễn Phương Sang	08/31/15			Ấp Suối Trầu 1	KTDBNTE	750	1.500	
1898	255	Jul Li Kho Nasyroh		10/29/05		ấp 6	KTDBNTE	750	1.500	
1899	256	Lê Thị Quỳnh Như		11/17/05		Ấp 10, Bình Sơn	KTDBNTE	750	1.500	
1900	257	Lê Thiên Phát	06/04/12			Ấp 9	KTDBNTE	750	1.500	
1901	258	Nguyễn Hoàng Kim Ngân		08/23/13		Ấp Suối Trầu 1	KTDBNTE	750	1.500	
1902	259	Nguyễn Hoàng Tiến	04/17/08			ấp 10	KTDBNTE	750	1.500	
1903	260	Nguyễn Thị Mai		12/08/06		Ấp Suối Trầu 3	KTDBNTE	750	1.500	
1904	261	Nguyễn Thị Minh Phương	04/29/10			Ấp Suối Trầu 1	KTDBNTE	750	1.500	
1905	262	Nguyễn Văn Hùng	03/11/09			Ấp Cẩm Đường 2	KTDBNTE	750	1.500	
1906	263	Tạ Thiên Phước	01/23/16			Ấp 7	KTDBNTE	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1907	264	Võ Văn Anh Dũng	06/19/08			Áp 10	KTĐBNT	750	1.500	
1908	265	Bùi Ngọc Luận	01/01/28		272115305	ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1909	266	Bùi Thị Chất		01/01/1937	272165222	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1910	267	Bùi Thị Lan		01/01/40		Áp 11, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1911	268	Bùi Thị Ninh		01/01/30		Áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1912	269	Bùi Thị Thảo		05/07/31	272146179	ấp 9	CT	300	1.500	
1913	270	Bùi Thị Tho		01/01/1937		Áp Hàng Gòn	CT	300	1.500	
1914	271	Cao Thị Đầy		01/01/40		Suối Trầu 3, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1915	272	Cao Văn Xuân	00/00/1935		;270290890	Áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1916	273	Châu Bông	01/4/1937		270317550	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1917	274	Châu Sĩ	01/01/29		270291658	ấp 7	CT	300	1.500	
1918	275	Châu Thị Út		00/00/1935	271747579	Áp 7	CT	300	1.500	
1919	276	Dương Do	01/01/40		270397228	Suối Trầu 2, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1920	277	Dương Lới	01/03/35		270953719	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1921	278	Dương Phú	00/00/1931		272300176	ấp 10	CT	300	1.500	
1922	279	Dương Thị Tường		06/17/34	270317603	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1923	280	Dương Văn Chuật	01/01/1937		270978317	Áp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1924	281	Dương Văn Mười	01/01/38		270953825	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1925	282	Dương Văn Xuân	01/01/35		270317553	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1926	283	Đàm Thị Thề		01/01/29	270317747	ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1927	284	Đào Thị Dần		01/01/1937	270807669	Áp 10	CT	300	1.500	
1928	285	Đào Thị Xuyên		01/01/28	272214602	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1929	286	Đặng Thị Bảy		1933	272166028	Áp 7	CT	300	1.500	
1930	287	Đặng Thị Tín		07/06/33	272146185	Áp 9	CT	300	1.500	
1931	288	Đinh Thị Hải		12/05/37	270122469	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1932	289	Đinh Thị Hạnh		01/01/36	270317788	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1933	290	Đinh Thị Nuôi		01/01/32	270317917	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1934	291	Đinh Thị Phi		10/10/30	272107188	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1935	292	Đinh Văn Thống	12/12/34		272115206	Áp Cẩm Đường 1	CT	300	1.500	
1936	293	Đoàn Thị Lịch		01/01/31	272435809	Cẩm Đường	CT	300	1.500	
1937	294	Đoàn Thị Mót		01/01/36		Áp Xã Hoàng-LA	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1938	295	Đỗ Cảnh	04/16/31		272107289	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1939	296	Đỗ Mực	01/01/1937		272079708	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1940	297	Đỗ Thị Diệu		01/01/40	270953826	Suối Trầu 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1941	298	Đỗ Thị Hưu		01/01/39	210849863	Ấp 7	CT	300	1.500	
1942	299	Đỗ Thị Là		01/01/32	270317893	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1943	300	Đỗ Thị Lê		07/10/33	270317865	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
1944	301	Đỗ Thị Nhâm		01/01/39	272113379	Ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1945	302	Đỗ Thị Như		01/01/40	272300044	ấp Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1946	303	Đỗ Thường	01/01/38		272107294	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1947	304	Đỗ Văn Xinh	01/01/40		270317791	Suối Trầu 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1948	305	Giáp Văn Chính	01/01/31		270317649	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1949	306	Hoàng Thị Phương		10/20/38	272570906	Ấp 9	CT	300	1.500	
1950	307	Hoàng Thị Thêu		01/01/1937	270376704	Ấp 6	CT	300	1.500	
1951	308	Hoàng Văn Đàm	00/00/1935		272146372	Ấp 10	CT	300	1.500	
1952	309	Hồ Đắc Đồng	01/01/39		271097819	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1953	310	Hồ Ngọc Cẩn	07/28/37		271155950	Ấp 7, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1954	311	Hồ Thị Viên		07/31/38	272116210	Áp 10	CT	300	1.500	
1955	312	Hồ Văn Lợi	00/00/1935			Tổ 2, ấp Xã Hoàng-LA	CT	300	1.500	
1956	313	Huỳnh Các	15/04/1935		270290777	Ấp 09	CT	300	1.500	
1957	314	Huỳnh Ngọc Hiệp	01/01/1937		272015589	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1958	315	Huỳnh Thị Hồng		1933	270317747	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1959	316	Huỳnh Thị Hồng		03/02/36	270317592	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1960	317	Huỳnh Thị Thu		15/01/1937		Ấp 10	CT	300	1.000	Chết 4/5/2020
1961	318	Huỳnh Văn Minh	01/01/39		270288240	Ấp 6	CT	300	1.500	
1962	319	Huỳnh Văn Trinh	01/01/36		:272113138	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1963	320	Lã Văn Sau	01/01/1937		272116742	Ấp 08	CT	300	1.500	
1964	321	Lại Thị Khoa		01/01/40	272116742	Cẩm Đường	CT	300	1.500	
1965	322	Lê Ba	05/10/36		271923402	Ấp 7	CT	300	1.500	
1966	323	Lê Bằng	04/04/39		:272115594	Ấp 7	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1967	324	Lê Bì	01/01/39		272115596	Áp 7	CT	300	1.500	
1968	325	Lê Châu	10/07/34		272567963	Tổ 1, Áp 9	CT	300	1.500	
1969	326	Lê Chồng	01/01/29		272115053	áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
1970	327	Lê Lâm	02/08/38		270290460	Áp 8, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1971	328	Lê Nguyễn Niệm	1924		270705038	áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
1972	329	Lê Thị	02/02/31		270288862	áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1973	330	Lê Thị Chính		03/01/38		Áp 2, Suối Trầu	CT	300	1.500	
1974	331	Lê Thị Đưa		01/01/40	272157459	Suối Trầu 2, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1975	332	Lê Thị Hoan		01/01/38	272567497	Áp 8, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1976	333	Lê Thị Hưng		01/01/38	270377314	Áp 10, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1977	334	Lê Thị Hương		05/10/39	120687069	Áp 10	CT	300	1.500	
1978	335	Lê Thị Kim Hương		01/01/38	270288251	Áp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1979	336	Lê Thị Lan		01/01/1937	271245012	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1980	337	Lê Thị Lan		01/01/39	270013234	Áp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
1981	338	Lê Thị Năng		05/06/32		Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1982	339	Lê Thị Phụ		01/01/1937	272107418	Áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
1983	340	Lê Thị Tịnh		01/01/1937	270317665	áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1984	341	Lê Thị Tùng		10/27/37		Áp 1	CT	300	1.500	
1985	342	Lê Thị Thuyết		01/01/39		Áp Suối Trầu 1	CT	300	500	Chết 19/4/2020
1986	343	Lê Thị Trầm		05/06/39	272107295	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1987	344	Lê Thùy	00/00/1935		272116492	Áp 6	CT	300	1.500	
1988	345	Lê Văn Chương	01/01/40		270288933	Áp 3, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1989	346	Lê Văn Sanh	01/01/34			Áp 1	CT	300	1.500	
1990	347	Lương Thị Lý		01/01/40	270290392	Áp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
1991	348	Lương Thị Nối		01/01/39	270034598	Áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
1992	349	Lương Văn Rằm	1932		272107290	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1993	350	Mã Văn Tài	03/01/33		272468287	Áp 8	CT	300	1.500	
1994	351	Mộng Diệu Ngọc		01/01/1937	271027657	Áp 09	CT	300	1.500	
1995	352	Ngô Đình Ngọc	04/25/36			Áp 1	CT	300	1.500	
1996	353	Ngô Thị Di		01/01/36	272757157	Áp 9	CT	300	1.500	
1997	354	Ngô Thị Nguyên		01/01/34	270320019	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
1998	355	Ngô Thu Vân		1932	270692385	Áp 9	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
1999	356	Ngô Văn Kính	10/15/37		272116190	Ấp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2000	357	Nguyễn Chát	01/01/40			Ấp Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2001	358	Nguyễn Đình Trung	03/15/40			Ấp 6, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2002	359	Nguyễn Đức Hiền	01/01/36		272015589	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2003	360	Nguyễn Hậu	01/01/38		272180214	Ấp 2, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2004	361	Nguyễn Hoàng Oanh	01/01/40		270290795	Ấp 6, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2005	362	Nguyễn Hữu Xuyên	06/05/34		272107523	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2006	363	Nguyễn Kinh	30/2/1937		271097652	Ấp 9	CT	300	1.500	
2007	364	Nguyễn Minh Giáo	1932		270290709	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2008	365	Nguyễn Năm	10/10/38		;272116744	Ấp 8	CT	300	1.500	
2009	366	Nguyễn Ngọc Tấn	07/03/35		270807667	Ấp 10	CT	300	1.500	
2010	367	Nguyễn Ngọc Trân	01/01/30		270692083	ấp 9	CT	300	1.500	
2011	368	Nguyễn Rân	02/01/1937		210542088	Ấp 7	CT	300	1.500	
2012	369	Nguyễn Sừ	09/13/37		272116693	Ấp 8, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2013	370	Nguyễn Tài	01/01/30		272165715	ấp 6	CT	300	1.500	
2014	371	Nguyễn Tiến Bình	10/05/39		270288755	Ấp 10	CT	300	1.500	
2015	372	Nguyễn Thanh Phương	01/01/34			320/58/2 Tổ 5, Xã Hoàng-LA	CT	300	1.500	
2016	373	Nguyễn Thành Trung	01/01/30		270317706	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2017	374	Nguyễn Thi	08/04/39		272118417	Ấp 4	CT	300	1.500	
2018	375	Nguyễn Thị Anh		01/01/40		Ấp 11, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2019	376	Nguyễn Thị Ba		01/01/38	270376679	Ấp 6, bình Sơn	CT	300	1.500	
2020	377	Nguyễn Thị Ba		01/6/1937	272107558	ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2021	378	Nguyễn Thị Bui		01/01/38	270954752	Ấp 7	CT	300	1.500	
2022	379	Nguyễn Thị Cách		01/01/36		Ấp 1	CT	300	1.500	
2023	380	Nguyễn Thị Càn		01/01/40	;272146953	Ấp 7, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2024	381	Nguyễn Thị Cúc		08/18/39	272657872	Ấp 9	CT	300	1.500	
2025	382	Nguyễn Thị Chấn		02/20/32	270317884	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2026	383	Nguyễn Thị Chuẩn		01/01/1934	270807539	Ấp 10	CT	300	1.500	
2027	384	Nguyễn Thị Dầu		01/01/36		Ấp 11	CT	300	1.500	
2028	385	Nguyễn Thị Đào		01/01/34	272416546	Ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2029	386	Nguyễn Thị Diêu		01/01/40	270377139	Ấp 4, Bình Sơn	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2030	387	Nguyễn Thị Em		1923	272116306	ấp 10	CT	300	1.500	
2031	388	Nguyễn Thị Gòong		01/01/38	272107231	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2032	389	Nguyễn Thị Hai		05/7/1936	270376462	Áp 6	CT	300	1.500	
2033	390	Nguyễn Thị Hai		01/01/36		Áp 1	CT	300	1.500	
2034	391	Nguyễn Thị Hào		01/01/40		Xã Hoàng, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2035	392	Nguyễn Thị Hiền		08/20/39		Áp 10	CT	300	1.500	
2036	393	Nguyễn Thị Hoa		01/01/40	270244994	Áp 2	CT	300	1.500	
2037	394	Nguyễn Thị Hoạch		03/08/39	272116758	Áp 3	CT	300	1.500	
2038	395	Nguyễn Thị Hoàng		00/00/1935	272605235	Áp 4	CT	300	1.500	
2039	396	Nguyễn Thị Hồn		1932	270317884	Áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2040	397	Nguyễn Thị Huệ	1932		270288442	Áp 5	CT	300	1.500	
2041	398	Nguyễn Thị Hùng		01/10/38	;272116193	Áp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2042	399	Nguyễn Thị Lan		02/10/34		Áp 10	CT	300	1.500	
2043	400	Nguyễn Thị Lê		02/10/40	272195437	Áp 10, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2044	401	Nguyễn Thị Liên		01/01/40	;270806999	Áp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2045	402	Nguyễn Thị Loan		02/02/1937		Áp 11	CT	300	1.500	
2046	403	Nguyễn Thị Lộc		04/10/35	270317699	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2047	404	Nguyễn Thị Ly		11/05/31	22213932	Áp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2048	405	Nguyễn Thị Mạng		01/01/36	270317746	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2049	406	Nguyễn Thị Mân		02/20/32		Áp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2050	407	Nguyễn Thị Miên		28/5/1937		ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2051	408	Nguyễn Thị Minh		01/01/35	160959320	Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2052	409	Nguyễn Thị Nân		1932		Áp 11	CT	300	1.500	
2053	410	Nguyễn Thị Nở		09/06/1936	270735285	Áp 7	CT	300	1.500	
2054	411	Nguyễn Thị Nơi		05/03/33	260315484	Áp 7	CT	300	1.500	
2055	412	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/1937		Áp 11	CT	300	1.500	
2056	413	Nguyễn Thị Ngọc Mai		01/01/36		ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2057	414	Nguyễn Thị Nhãn		15/01/1937	270288752	Áp 10	CT	300	1.500	
2058	415	Nguyễn Thị Nhẽ		00/00/1931	120687069	ấp Cẩm Đường 1	CT	300	1.500	
2059	416	Nguyễn Thị Nhĩ		06/15/30		ấp 11	CT	300	1.500	
2060	417	Nguyễn Thị Phát		04/30/33		Áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2061	418	Nguyễn Thị Sâm		03/19/35	190799820	Ấp 10	CT	300	1.500	
2062	419	Nguyễn Thị Tiến		00/00/1934		Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2063	420	Nguyễn Thị Tiến		08/19/36	270107395	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2064	421	Nguyễn Thị Tình		01/05/36	170824955	Ấp 08	CT	300	1.500	
2065	422	Nguyễn Thị Tôn		00/00/1935		Ấp 11	CT	300	1.500	
2066	423	Nguyễn Thị Từ		01/01/26		Ấp 1	CT	300	1.500	
2067	424	Nguyễn Thị Thái		00/00/1934	270301560	Ấp 7	CT	300	1.500	
2068	425	Nguyễn Thị Thê		01/01/39	272383695	Ấp 10	CT	300	1.500	
2069	426	Nguyễn Thị Thìn		01/08/1936		Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2070	427	Nguyễn Thị Thu		12/20/39		Suối Trầu 2, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2071	428	Nguyễn Thị Trinh		06/10/32	270917731	Ấp 10	CT	300	1.500	
2072	429	Nguyễn Thị Ut		1933	270317884	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2073	430	Nguyễn Thị Vàng		01/01/35	270317937	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2074	431	Nguyễn Thị Xí		07/06/36		Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2075	432	Nguyễn Thị Xoài		01/01/40	271996322	Ấp 11, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2076	433	Nguyễn Trí Hạt		10/10/30	272107289	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2077	434	Nguyễn Trí Ngẫu		01/01/40	272107499	Ấp Suối Trầu 2, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2078	435	Nguyễn Văn Bồi		04/08/39	270953653	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2079	436	Nguyễn Văn Đăng		01/01/39	270290819	Ấp 11	CT	300	1.500	
2080	437	Nguyễn Văn Hiếu		01/01/36		Ấp 7	CT	300	1.500	
2081	438	Nguyễn Văn Huỳnh		01/01/34	272043692	Ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2082	439	Nguyễn Văn Liễn		05/12/38	270807278	Ấp 10, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2083	440	Nguyễn Văn Mỹ		01/01/40	270289051	Ấp 3, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2084	441	Nguyễn Văn Nhận		01/01/40		Xã Hoàng	CT	300	1.500	
2085	442	Nguyễn Văn Sanh		00/00/1935		Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2086	443	Nguyễn Văn Sáu		01/01/40	;272113360	Ấp Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2087	444	Nguyễn Văn Ti		01/01/37	270434232	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2088	445	Nguyễn Văn Toại		01/01/1937	209244426	Ấp 03	CT	300	1.500	
2089	446	Nguyễn Văn Ty		03/29/29	270317865	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2090	447	Nguyễn Xuân Dương	01/01/1937		272300805	Áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2091	448	Phạm Thị Dom	01/01/35		190819876	Áp 9	CT	300	1.500	
2092	449	Phạm Thị Đuộm		01/01/30	272416703	ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2093	450	Phạm Thị Hòa		01/17/36	270285818	Tổ 3, ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2094	451	Phạm Thị Hôn		01/01/1937	270288780	Áp 10	CT	300	1.500	
2095	452	Phạm Thị Hôi		01/01/1937		Áp 01	CT	300	1.500	
2096	453	Phạm Thị Khuyến		01/01/38	270245715	Áp 11, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2097	454	Phạm Thị Lại		00/00/1931	210510321	ấp 7	CT	300	1.500	
2098	455	Phạm Thị Liêng		00/00/1925	270317985	Áp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2099	456	Phạm Thị Mai		1932	272416764	Áp 4	CT	300	1.500	
2100	457	Phạm Thị Rành		01/01/1937	270107395	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2101	458	Phạm Thị Thanh Huệ		06/01/39		Áp Xã Hoàng, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2102	459	Phạm Thị Trần		01/01/39	270317690	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2103	460	Phạm Văn Ri	1933		270674541	Cẩm Đường, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2104	461	Phạm Viết Quỳnh	01/01/30		272107290	ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2105	462	Phan Chí Xây	01/01/29		270245715	ấp 11	CT	300	1.500	
2106	463	Phan Thanh	10/09/38			Áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2107	464	Phan Thị Em		01/01/39	272628304	Áp 2	CT	300	1.500	
2108	465	Phan Thị Mươi		02/11/32	272107290	Áp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2109	466	Phan Thị Tám		01/01/30	270288938	ấp 4	CT	300	1.500	
2110	467	Phan Văn Trụ	04/21/32		270288818	Áp 10	CT	300	1.500	
2111	468	Phan Văn Vỹ	01/01/39		272114000	Áp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2112	469	Phùng Thị Nhận	02/05/36		270317893	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2113	470	Ra Hiêm	00/00/1935		270692560	Áp 6	CT	300	1.500	
2114	471	Sễn Cẩm Din		04/29/34	270807446	Áp 7	CT	300	1.500	
2115	472	Tạ Thị Uyển		01/01/28	272592160	ấp 10	CT	300	1.500	
2116	473	Tăng Thị Nguyên		01/01/31	270864470	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2117	474	Tôn Nữ Thị Thường		03/29/36	270290619	Tổ 1, Ấp 8	CT	300	1.500	
2118	475	Thái Thị Cưu		05/01/33	272350350	Áp 3	CT	300	1.500	
2119	476	Thân Tiến Hoàng	01/01/40		271696937	Áp 6, Bình Sơn	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2120	477	Trần Khứ	1932		270290328	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2121	478	Trần Tấn Đạt	01/01/36		270317747	Ấp 08	CT	300	1.500	
2122	479	Trần Thành	01/01/1937		272107430	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2123	480	Trần Thị Á			270279165	Ấp 11, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2124	481	Trần Thị Bảy		01/01/38	270290759	Ấp 9	CT	300	1.500	
2125	482	Trần Thị Cải		01/01/34	270288202	Tổ 2, Ấp 6	CT	300	1.500	
2126	483	Trần Thị Cúc		01/01/40	270376732	Ấp 3	CT	300	1.500	
2127	484	Trần Thị Cừ		01/01/27	200221840	Ấp 8	CT	300	1.500	
2128	485	Trần Thị Chúc		01/01/30	270320019	Ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2129	486	Trần Thị Đóa		01/01/39	272113230	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2130	487	Trần Thị Em		01/01/30		Xã Hoàng-LA	CT	300	1.500	
2131	488	Trần Thị Kinh		01/01/39	270969891	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2132	489	Trần Thị Nguyễn		04/12/32	272146178	Ấp 9	CT	300	1.500	
2133	490	Trần Thị Sáng		06/10/37	270376500	Ấp 10, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2134	491	Trần Thị Sao		10/12/32	270317747	Ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2135	492	Trần Thị To		00/00/1935	270954402	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2136	493	Trần Thị Tuyết		01/01/39	270954472	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2137	494	Trần Thị Thành		01/01/40	270692892	Suối Trầu 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2138	495	Trần Thị Thơm		1933	272522776	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2139	496	Trần Thị Út		01/01/40		Suối Trầu 3, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2140	497	Trần Văn Doãn	06/16/30		272146209	Ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2141	498	Trần Văn Đăng	1933		272115549	Ấp 11	CT	300	1.500	
2142	499	Trần Văn Học	05/13/26		270290709	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2143	500	Trần Văn Hưng	07/13/32		270290352	Ấp 8	CT	300	1.500	
2144	501	Trần Văn Sơn	01/01/40		270307676	Ấp 9, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2145	502	Trần Văn Thạc	01/01/32		270317682	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2146	503	Trần Văn Truyền	05/05/32			Ấp 7	CT	300	1.500	
2147	504	Trịnh Văn Khương	01/01/40		270290526	Ấp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2148	505	Trương Cùng	01/01/38		270954366	Ấp 1, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2149	506	Trương Thị Hùng		05/16/30	270317884	Ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2150	507	Trương Thị Kiên		1933	272146396	Ấp 6	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2151	508	Trương Thị Quyết		02/3/1937	272146409	Áp 10	CT	300	1.500	
2152	509	Trương Văn Bạch	04/14/33			Xã Hoàng-LA	CT	300	1.500	
2153	510	Trương Văn Chương	01/01/29		270317985	ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2154	511	Võ Thị Hoa		01/01/36	272079708	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2155	512	Võ Thị Nghiêm		01/01/40		Suối Trầu 3, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2156	513	Võ Thị Thơm		01/01/39	272371321	Áp 10	CT	300	1.500	
2157	514	Võ Thị Thuần		01/01/1937	270953727	ấp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
2158	515	Võ Thông	02/12/38		272113377	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
2159	516	Võ Xại	10/10/30		271909376	ấp Suối Trầu 1	CT	300	1.500	
2160	517	Vũ Ngọc Nhân	03/14/36		270288753	Áp 10	CT	300	1.500	
2161	518	Vũ Thị Yên		1933	270954420	ấp Suối Trầu 3	CT	300	1.500	
2162	519	Vương Thị Cúc		03/10/33	030789664	ấp Cẩm Đường 2	CT	300	1.500	
		XÃ BÌNH AN							307.800	
2163	1	Lê Phan Hoài Hương		07/01/09		An Viễn, Bình An	TEMC	450	1.500	
2164	2	Lê Thị Thanh Trúc		04/03/04		An Viễn, Bình An	TEMC	450	1.500	
2165	3	Nguyễn Đức Minh	09/16/04			An Viễn, Bình An	TEMC	450	1.500	
2166	4	Nguyễn Huỳnh Phương Duy	01/01/08			Sa Cá	TEMC	450	1.500	
2167	5	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		01/06/07		An Viễn, Bình An	TEMC	450	1.500	
2168	6	Vũ Trung Hiếu	06/22/06			Sa Cá	TEMC	450	1.500	
2169	7	Đặng Thị Vân		01/01/65		An Viễn	KTN	450	1.500	
2170	8	Đặng Văn Đào	01/01/66			An viễn	KTN	450	1.500	
2171	9	Lê Gia Huê	12/02/65		272005404	An Viễn	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
2172	10	Lê Hùng	08/19/84		271637197	Sa cá	KTN	450	1.500	
2173	11	Lê Thị Vân		09/01/85	271637314	An Viễn	KTN	450	1.500	
2174	12	Ng. thị Phương Dung		21/2/1988	271976668	An Viễn	KTN	450	1.500	
2175	13	Nguyễn Đại Hoàng	06/18/97		272742499	Tổ 8, ấp An Viễn	KTN	450	1.500	
2176	14	Nguyễn Hữu Phụng	12/19/93		272210791	An Viễn	KTN	450	1.500	
2177	15	Nguyễn Ngọc Toàn		09/07/1983		ấp An Bình	KTN	450	1.500	
2178	16	Nguyễn Tấn Dũng	01/01/72		270969472	Sa Cá	KTN	450	1.500	
2179	17	Nguyễn Tấn Phát	01/08/03			Bàu Lùng	KTN	450	1.500	
2180	18	Nguyễn Thanh Phương		22/9/1967		ấp An Bình	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2181	19	Nguyễn Thị Hồng Hải		07/01/96		Tổ 8, ấp An Viếng	KTN	450	1.500	
2182	20	Nguyễn Văn Sáng	01/03/69		271390030	An Bình	KTN	450	1.500	
2183	21	Nguyễn Văn Thanh	12/20/61			Sa Cá	KTN	450	1.500	
2184	22	Nguyễn Văn Vinh		01/01/1970	271097979	Ấp An Viếng	KTN	450	1.500	
2185	23	Phạm Văn Du	07/02/66		271495008	An Viếng	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
2186	24	Phan Văn Phúc	05/19/85		27166608	Ấp Bàu Tre	KTN	450	1.500	
2187	25	Trần Công Quỳnh	10/04/83		271495179	An viếng	KTN	450	1.500	
2188	26	Trần Long Dũng Nhi	03/30/00			An Viếng, xã Bình An	KTN	450	1.500	
2189	27	Trần Thị Kim Hoa		01/01/68	270807512	Bàu tre	KTN	450	1.500	
2190	28	Võ Minh Hoàng	01/01/80		271251990	An Bình	KTN	450	1.500	
2191	29	Võ Thị Hạnh		06/05/80	271353827	Ấp An Bình	KTN	450	1.500	
2192	30	Đào Văn Đẹp	01/01/48		272226873	An Bình, Bình An	KTNCT	600	1.500	
2193	31	Đặng Thị Hương		01/01/60		ấp An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2194	32	Đặng Văn Liêm	12/20/56		270240757	An Bình	KTNCT	600	1.500	
2195	33	Lý Thị Ánh		01/01/35		Bàu tre	KTNCT	600	1.500	
2196	34	Ng. Văn La Thành	04/20/44		271649358	Bàu Lùng	KTNCT	600	1.500	
2197	35	Nguyễn Cang	01/01/42		272021278	An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2198	36	Nguyễn Sâm	01/01/37		272116476	An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2199	37	Nguyễn Thị Bảy		01/01/44	270602637	Ấp An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2200	38	Nguyễn Thị Ly		05/10/47	272015377	An viếng	KTNCT	600	1.500	
2201	39	Nguyễn Thị Thên		03/15/57	272383853	An Bình	KTNCT	600	1.500	
2202	40	Nguyễn Thị Thiệu		01/01/47	190819079	An viếng	KTNCT	600	1.500	
2203	41	Nguyễn Văn Hùng	01/01/45		272209380	Ấp An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2204	42	Phạm Thị Mai		01/01/53	272153450	An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2205	43	Phạm Văn Thát	07/19/58		272384975	Bàu Tre	KTNCT	600	1.500	
2206	44	Trần Thảo	01/01/54		361371399	An viếng	KTNCT	600	1.500	
2207	45	Trương Thị Bốn		05/04/41	270643588	An Viếng	KTNCT	600	1.500	
2208	46	Võ Thị Thụn		06/10/43	190571374	An viếng	KTNCT	600	1.500	
2209	47	Mai Kim Thành	12/12/09			Sa Cá, Bình An	KTNTE	600	1.500	
2210	48	Nguyễn Đăng Chiến	09/10/10			68/9 An Viếng	KTNTE	600	1.500	
2211	49	Nguyễn Hạo Nhiên	03/20/12			An Viếng	KTNTE	600	1.500	
2212	50	Trần Lê Đức Long	04/07/07			An Viếng	KTNTE	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2213	51	Trần Minh Hoàng	05/14/12			An Viêng	KTNTE	600	1.500	
2214	52	Trần Quốc Bảo	09/17/06			An Viêng	KTNTE	600	1.500	
2215	53	Trần Tuấn Kiệt	03/01/08			An Viêng	KTNTE	600	1.500	
2216	54	Bùi Thanh Việt	12/11/92			An viêng	KTĐBN	600	1.500	
2217	55	Đặng Văn Thanh	1974		272437481	An Viêng	KTĐBN	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
2218	56	Đỗ Văn Song	1969		270954859	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2219	57	Lê Quang Phúc	01/15/81		271495256	An viêng	KTĐBN	600	1.500	
2220	58	Lê Quang Tuyên	1962		272015921	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2221	59	Lê Thị Châu		11/19/63	210324479	Bàu Tre	KTĐBN	600	1.500	
2222	60	Lê Thị Kim Thoa		08/24/69	270954737	Bàu Tre	KTĐBN	600	1.500	
2223	61	Lê Thị Nhật Linh		02/03/83		An Viêng	KTĐBN	600	500	Chết 11/4/2020
2224	62	Lê Thị Thanh Trâm		05/27/97		An viêng	KTĐBN	600	1.500	
2225	63	Nguyễn Hùng Phước	05/09/98			Bàu Tre	KTĐBN	600	1.500	
2226	64	Nguyễn Quang Toại	05/24/66			An Bình	KTĐBN	600	1.500	
2227	65	Nguyễn Thành Trung	06/21/69		271420159	An Bình	KTĐBN	600	1.500	
2228	66	Nguyễn Thị Tuyết		11/11/78	272707314	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2229	67	Nguyễn Thị Thanh Thúy		07/09/94	271353900	An viêng	KTĐBN	600	1.500	
2230	68	Nguyễn Văn Đoàn	01/01/78		271666301	Sa Cá	KTĐBN	600	1.500	
2231	69	Nhan Thị Tựu		1968	272006983	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2232	70	Phạm Thanh Long	06/10/94		272350021	Tổ 3, ấp Bàu Lùng	KTĐBN	600	1.500	
2233	71	Phan Văn Phụng	12/07/89		272015647	Bàu Lùng	KTĐBN	600	1.500	
2234	72	Trần Thị Hiên		03/27/63		An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2235	73	Trần Thị Kim Khuê		07/23/70	272021535	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2236	74	Trương Thị Ngọc Anh		01/01/70	271666219	An Bình	KTĐBN	600	1.500	
2237	75	Võ Hùng Đán	00/00/1963		270643775	An Viêng	KTĐBN	600	1.500	
2238	76	Võ Ngọc Mười	01/01/70			An viêng	KTĐBN	600	1.500	
2239	77	Võ Sĩ Hồng	10/10/69		272317362	An Bình	KTĐBN	600	1.500	
2240	78	Hoàng Thị Phương		11/12/57	30249728	Bàu Lùng	KTĐBNCT	750	1.500	
2241	79	Lầu A Xây	10/05/50		270807916	Áp Sa Cá	KTĐBNCT	750	1.500	
2242	80	Lê Tùng	04/15/58		272370625	An viêng	KTĐBNCT	750	1.500	
2243	81	Mã Thị Ánh Lai		01/01/56		Sa cá	KTĐBNCT	750	1.500	
2244	82	Mai Bá Thơ	01/01/1940		270955000	Áp An Bình	KTĐBNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2245	83	Nguyễn Đình Quý	04/06/55		270969197	ấp An Bình, xã Bình An	KTDBNCT	750	1.500	
2246	84	Nguyễn Thị Lan		01/01/59	272052269	Tổ 1, Bàu Lũng, Bình An	KTDBNCT	750	1.500	
2247	85	Nguyễn Thị Xây		01/01/1946	272021449	Ấp An Viêng	KTDBNCT	750	1.500	
2248	86	Sú Nhi Thảy		07/13/35	271953198	Ấp Sa Cá, xã Bình An	KTDBNCT	750	1.500	
2249	87	Thái Thị Thương		01/01/41	270291322	Bàu Tre	KTDBNCT	750	1.500	
2250	88	Trần Kiệt Xuân	01/01/60		270291445	Sa cá	KTDBNCT	750	1.500	
2251	89	Bùi Ngọc Minh Thư	12/05/13	08/01/07		Bàu Tre	KTDBNTE	750	1.500	
2252	90	Đào Thanh Duy				Ấp An Viêng	KTDBNTE	750	1.500	
2253	91	Hoàng Kim Hương		09/30/08		An Viêng	KTDBNTE	750	1.500	
2254	92	Lê Thanh Lộc	09/23/04			An Viêng	KTDBNTE	750	1.500	
2255	93	Mai Kim Sa		03/30/07		Ấp Sa Cá	KTDBNTE	750	1.500	
2256	94	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	01/27/05			Ấp Sa Cá	KTDBNTE	750	1.500	
2257	95	Sù Thành Mộng	06/18/06			Ấp Bàu Lũng	KTDBNTE	750	1.500	
2258	96	Nguyễn Thị Trà		1924		An Viêng	CT	300	1.500	
2259	97	Lê Thị Giữa		1924	270555371	An Viêng	CT	300	1.500	
2260	98	Nguyễn Thị Hợp		1925	272858794	An Viêng	CT	300	1.500	
2261	99	Nguyễn Thị Biết		1925	190152616	Bàu tre	CT	300	1.500	
2262	100	Nguyễn Thị Phác		01/01/28	270436019	An Viêng	CT	300	1.500	
2263	101	Hồ Thị Ngân		01/01/30	272657023	An Viêng	CT	300	1.500	
2264	102	Nguyễn Thị Sang		01/01/29	200258486	An Viêng	CT	300	1.500	
2265	103	Trần Thị Tiến		05/03/27		An Viêng	CT	300	1.500	
2266	104	Nguyễn Đại Bá	01/01/30		272592976	An Viêng	CT	300	1.500	
2267	105	Lục Thị Sầu		01/01/30	272434815	An Viêng	CT	300	1.500	
2268	106	Nguyễn Thị Tám		01/01/25		An Bình	CT	300	1.500	
2269	107	Bùi Thị Út		01/01/28	270969223	An Bình	CT	300	1.500	
2270	108	Nguyễn Văn Lương	01/01/30		270240822	An Bình	CT	300	1.500	
2271	109	Bùi Bàn	02/03/26		270309051	Sa Cá	CT	300	1.500	
2272	110	Phùng Học Phu	01/01/30		272015677	Sa Cá	CT	300	1.500	
2273	111	Lê Dũng	05/10/29		272435721	Sa Cá	CT	300	1.500	
2274	112	Lê Thị Lan		01/01/27	272657024	Bàu Tre	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2275	113	Nguyễn Thị Hơ		01/01/30	272015245	Bàu Tre	CT	300	1.500	
2276	114	Sâm Thị Se		01/01/30	270954824	Bàu Lũng	CT	300	1.500	
2277	115	Phan Thị Chiếu		04/03/28	270809229	An Bình	CT	300	1.500	
2278	116	Hoàng Thị Mừng		00/00/1927		An Viếng,	CT	300	1.500	
2279	117	Phan Thị Hoa		02/01/30	272273063	An Viếng	CT	300	1.500	
2280	118	Phạm Thị Bốn		03/06/30	272318572	Bàu Tre	CT	300	1.500	
2281	119	Đặng Văn Nguyễn	00/00/1927		272021093	Sa Cá	CT	300	1.500	
2282	120	Nguyễn Đức Thanh	01/05/31		272052269	ấp An Bình	CT	300	1.500	
2283	121	Hồ Thị Con		00/00/1927		ấp An Bình	CT	300	1.500	
2284	122	Nguyễn Thị Y		14/01/1930		ấp An Bình	CT	300	1.500	
2285	123	Và Chiềng Mùi		19/6/1931	270643726	Sa Cá	CT	300	1.500	
2286	124	Nguyễn Văn Kỳ	1932		272210759	An Viếng	CT	300	1.500	
2287	125	Nguyễn Thị Sâm		1932	270969407	An Viếng	CT	300	1.500	
2288	126	Nguyễn Thị Bốn		1928	270437093	An viếng	CT	300	1.500	
2289	127	Đỗ Thị Quang		1933	270646098	An Viếng	CT	300	1.500	
2290	128	Lý A Sy		1933	270232827	Bàu Tre	CT	300	1.500	
2291	129	Phùng Đạo Quới	01/01/34		270686841	Tổ 3, Bàu Tre	CT	300	1.500	
2292	130	Phạm Thị Kim Liên		05/15/33	272435053	ấp An Bình	CT	300	1.500	
2293	131	Huỳnh Thị Vọng		10/12/34	272435984	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2294	132	Đoàn Thị Nghê		00/00/1935	272435977	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2295	133	Ngô Thị Tuyết		00/00/1935	270809260	ấp Sa Cá	CT	300	1.500	
2296	134	Vòng Am Long	02/15/35		190273446	Tổ 6, Bàu Tre	CT	300	1.500	
2297	135	Nguyễn Thị Hương		03/14/35	272021423	ấp An Bình	CT	300	1.500	
2298	136	Nguyễn Thị Xôi		01/01/36	272021276	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2299	137	Phạm Thị Báu		01/01/36	272015834	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2300	138	Võ Thị Phụng		01/01/36	272384980	ấp Sa cá	CT	300	1.500	
2301	139	Ngô Văn Nhựt	01/01/36		270558186	ấp Sa cá	CT	300	1.500	
2302	140	Đỗ Thị Tháo		01/01/36	300253316	ấp Bình An	CT	300	1.500	
2303	141	Cao Thị Tâm		02/10/36	180781804	ấp Sa Cá	CT	300	1.500	
2304	142	Nguyễn Thị Ý		01/01/34	272434712	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2305	143	Lê Quang Quý	08/10/36		270240592	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2306	144	Nguyễn Thị Huệ		08/02/36	271265759	ấp An Viếng	CT	300	1.500	
2307	145	Cáp Thị Duệ		10/10/36	272021074	ấp An Viếng	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2308	146	Nguyễn Văn Hai	01/01/1937		272434816	Ấp An Viễn	CT	300	1.500	
2309	147	Nguyễn Thị Quên		01/01/1937	270954819	Ấp An Bình	CT	300	1.500	
2310	148	Nguyễn Hữu Nhạn	01/01/1937		270761407	Ấp An Bình	CT	300	1.500	
2311	149	Trần Thị Kiên		01/01/1937	272015720	Ấp Sa Cả	CT	300	1.500	
2312	150	Phạm Thị Loan		01/01/1937	270291070	Ấp Bầu Lùng	CT	300	1.500	
2313	151	Nguyễn Thị Hai		01/01/1937	130441423	Ấp Bầu Lùng	CT	300	1.500	
2314	152	Nguyễn Lân	03/10/37		270643641	ấp An Viễn	CT	300	1.500	
2315	153	Vòng Sập Mùi		01/01/1937	272015205	Ấp Sa Cả	CT	300	1.500	
2316	154	Phạm Thị Thoa		1917	272052773	An Bình	CT	300	1.500	
2317	155	Nguyễn Thảo	1925		272541607	An Bình	CT	300	1.500	
2318	156	Phạm Thị Đố		02/17/35	271097986	An Viễn	CT	300	1.500	
2319	157	Bùi Thị Số		01/01/26	280155749	An Bình	CT	300	1.500	
2320	158	Nguyễn Thị Mót		1925	272434366	Bầu tre	CT	300	1.500	
2321	159	Lâm Thị Kép		10/22/27	197021214	An Viễn	CT	300	1.500	
2322	160	Cao Thị Phối		05/4/1937	272448379	ấp Bầu Lùng	CT	300	1.500	
2323	161	Lê Lập	22/02/1937		270630558	ấp An Bình	CT	300	1.500	
2324	162	Nguyễn Thị Tho		15/6/1937		ấp An Viễn	CT	300	1.500	
2325	163	Trần Thị Long		01/6/1937	1907962121	ấp Bầu Lùng	CT	300	1.500	
2326	164	Võ Văn Kiêm	06/30/37		180196236	Ấp Bầu Tre, xã Bình An	CT	300	1.500	
2327	165	Nguyễn Hiền	10/09/37		272800728	Ấp Bầu Tre	CT	300	1.500	
2328	166	Phan Thị Núi		07/07/37		Bầu Lùng, Bình An	CT	300	1.500	
2329	167	Nguyễn Long	01/01/38		271514301	Sa Cả, Bình An	CT	300	1.500	
2330	168	Trinh Thị Bàn		02/02/38	272015678	Ấp Sa Cả, Bình An	CT	300	1.500	
2331	169	Nguyễn Thị Soi		01/01/38		An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2332	170	Phan Văn Ủy	02/21/38		270643051	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2333	171	Nguyễn Văn Châu	03/02/38		2722209380	Sa Cả, Bình An	CT	300	1.500	
2334	172	Trinh Nhật Kóng	01/01/38		270555627	Tổ 1, Bầu Lùng	CT	300	1.500	
2335	173	Sấm Sau Chấn		08/15/38	272021452	Bầu Tre	CT	300	1.500	
2336	174	Lê Thị Chung		1/191938	271996805	An Bình	CT	300	1.500	
2337	175	Phạm Ngọc Cẩn	10/20/38		270807963	An Bình	CT	300	1.500	
2338	176	Nguyễn Thị Thủy		01/01/39	271015244	Sa Cả	CT	300	1.500	
2339	177	Nguyễn Thị Gọn		01/01/39	270555626	An Viễn	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2340	178	Phan Thị Nhung		01/01/39		An Bình	CT	300	1.500	
2341	179	Nguyễn Văn Hùng	01/01/39		272021424	An Bình	CT	300	1.500	
2342	180	Mai Thị Chuyên		01/01/39		An Viễn	CT	300	1.500	
2343	181	Nguyễn Thị Liễm		01/01/39	271134598	Sa Cá	CT	300	1.000	Chết 1/5/2020
2344	182	Nguyễn Thơ	01/01/39		270288833	Sa Cá	CT	300	1.500	
2345	183	Nguyễn Thị Quýt		01/01/39		An Viễn	CT	300	1.500	
2346	184	Huỳnh Tấn Chiêu	01/01/39		180380602	An Bình	CT	300	1.500	
2347	185	Nguyễn Thị Quan		01/01/39	272434519	An Viễn	CT	300	1.500	
2348	186	Nguyễn Bá Kiềm	01/01/39		272015663	Bàu Lũng	CT	300	1.500	
2349	187	Nguyễn Văn Phát	01/01/39		272605840	An Bình	CT	300	1.500	
2350	188	Lê Gia Quảng	03/25/39			An Viễn	CT	300	1.500	
2351	189	La Thị Dần		10/02/38		Sa Cá	CT	300	1.500	
2352	190	Lê Minh Thệ	02/03/39		270807513	An Viễn	CT	300	1.500	
2353	191	Nguyễn Thọ	04/15/39		271908767	An Bình	CT	300	1.500	
2354	192	Nguyễn Thị Hộp		02/15/39	270291530	Bàu Tre	CT	300	1.500	
2355	193	Vòng Sám Mui		01/01/38	270460416	Bàu Lũng	CT	300	1.500	
2356	194	Nguyễn Kim Quế	01/01/38		272370288	An bình	CT	300	1.500	
2357	195	Trần Duy Tình	08/10/39		190729595	An Bình	CT	300	1.500	
2358	196	Lê Thị Nhộn		06/10/38		An Bình	CT	300	1.500	
2359	197	Phan Thị Vui		10/05/39		An Bình, Bình An	CT	300	1.500	
2360	198	Trần Tiên Phương	12/25/39		270969411	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2361	199	Nguyễn Danh Lũng	01/20/40		270252041	Bàu Lũng, Bình An	CT	300	1.500	
2362	200	Hoàng Thị Chi		01/01/40	270156193	Bàu Lũng, Bình An	CT	300	1.500	
2363	201	Nguyễn Thị Tinh		01/01/40	270809346	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2364	202	Trần Hữu Tạng	01/01/40		272021072	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2365	203	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/40	272015704	Sa Cá, Bình An	CT	300	1.500	
2366	204	Nguyễn Văn Phòng	01/01/40		272273270	Sa Cá, Bình An	CT	300	1.500	
2367	205	Nguyễn Thanh Phong	01/02/40		271736901	Sa Cá, Bình An	CT	300	1.500	
2368	206	Nguyễn Ngọc Lãnh		01/01/40	270291503	An Bình, Bình An	CT	300	1.500	
2369	207	Từ Công Rinh	03/02/40		270291107	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
2370	208	Lê Thị Huyền		03/16/40	270807911	An Viễn, Bình An	CT	300	1.500	
		XÃ CẨM ĐƯỜNG							333.000	
2371	1	Phạm Ngọc Hải	01/10/05			Suối Quýt	TEMC	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2372	2	Hoàng Thị Ngân		01/01/47	270288825	Tổ 4, Ấp 1	GCD<80T	450	1.500	
2373	3	Nguyễn Thị Kim Hoa		01/01/44	270674329	Suối quýt	GCD<80T	450	1.500	
2374	4	Nguyễn Thị Năm		01/01/28		Cầm đường	GCD>80T	600	1.500	
2375	5	Bùi Đức Tài				Suối quýt	KTN	450	1.500	
2376	6	Dương Văn Khoa		07/06/64	184213051	Ấp 1	KTN	450	1.500	
2377	7	Doãn Văn Dũng		01/01/80	271397081	Ấp 1	KTN	450	1.500	
2378	8	Đỗ Phú Thành		01/01/63	210210666	Ấp 1	KTN	450	1.500	
2379	9	Đỗ Thị Hiền		9/10/993	272302131	Tổ 2, Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2380	10	Đỗ Thị Kim Nhân		02/08/88	272004496	Tổ 2, Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2381	11	Đỗ Thị Thùy Trinh		01/01/87	271157062	Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2382	12	Lê Thùy Thanh Tuyền		11/12/99		Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2383	13	Lưu Thị Tâm		00/00/1962		Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2384	14	Ng Thị Mộng Tuyền		26/7/1978		Ấp 1	KTN	450	1.500	
2385	15	Ng Thị Ngọc Hiền		01/01/85	272015945	Ấp 2	KTN	450	1.500	
2386	16	Ngô Đức Cẩm		00/00/1978	271023578	Tổ 4, Ấp 1	KTN	450	1.500	
2387	17	Nguyễn Anh Phúc		06/09/96		Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2388	18	Nguyễn Minh Thông		03/18/94	272370402	Ấp 1	KTN	450	1.500	
2389	19	Nguyễn Phúc Tấn		04/11/03		Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2390	20	Nguyễn Quốc Huy		1984		Ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
2391	21	Nguyễn Thanh Hùng		06/05/77	271342026	Suối quýt	KTN	450	1.500	
2392	22	Nguyễn Thị Hiền		08/31/63	272115188	Tổ 1, Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2393	23	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/74	272370642	Tổ 7, ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
2394	24	Nguyễn Thị Thúy		13/2/1963		Ấp 1	KTN	450	1.500	
2395	25	Nguyễn Văn Tự		02/15/71		Tổ 1, Suối Quýt, cầm Đường	KTN	450	1.500	
2396	26	Phạm Thị Thom		01/01/72	270978293	Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2397	27	Tạ Thị Thu Dung		10/24/89	272115950	Tổ 5, Ấp 1	KTN	450	1.500	
2398	28	Tô Thanh Hùng		05/01/69	270806668	Tổ 3, Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2399	29	Trần Thanh Điện		04/30/84	272113530	Ấp 1	KTN	450	1.500	
2400	30	Trần Thanh Nhân		12/18/90		ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
2401	31	Trần Văn Đạt		11/21/76	271342039	ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
2402	32	Trần Văn Khoát		01/01/76	271342038	ấp Cẩm Đường	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2403	33	Trần Văn Lưu	05/18/96		272415170	Tổ 7, ấp Cẩm Đường, Cẩm Đường	KTN	450	1.500	
2404	34	Trần Văn Quyền	08/11/02			ấp 1	KTN	450	1.500	
2405	35	Uông Văn Huỳnh	01/01/64		272728831	ấp Suối Quýt	KTN	450	1.500	
2406	36	Võ Thành Nam	10/27/95			Ấp 1	KTN	450	1.500	
2407	37	Vũ Thái Nguyên	10/05/85			Tổ 4, ấp 1	KTN	450	1.500	
2408	38	Bùi Văn Khoa	1953			Suối Quýt	KTNCT	600	1.500	
2409	39	Đào Văn Thóc	01/01/38			Ấp Suối Quýt	KTNCT	600	1.500	
2410	40	Lữ Minh Hồng	02/20/57		270942581	Tổ 1, Suối Quýt, Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
2411	41	Ngô Đình Quới	06/16/37		270285625	Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
2412	42	Nguyễn Thị Châu	00/00/1945			Ấp 2	KTNCT	600	1.500	
2413	43	Nguyễn Thị Sờ	03/22/30		210306680	ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2414	44	Nguyễn Thị Thạch	02/10/28		272084897	ấp Suối Quýt	KTNCT	600	1.500	
2415	45	Phạm Thị Đơn	00/00/1935		270288761	Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2416	46	Tạ Thị Vân	10/08/53		272113643	Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2417	47	Trần Ngọc Tự	08/20/42		270285501	Tổ 5, Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2418	48	Trần Thị Nhung	05/09/44		270286115	Tổ 7, ấp Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
2419	49	Trần Thị Tách	06/15/52			Tổ 5, ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2420	50	Trần Thị Vinh	01/01/40		272113803	Ấp Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
2421	51	Ng. Trần Tuấn Kiệt	11/11/05			Cẩm Đường	KTNTE	600	1.500	
2422	52	Trần Hoàng Phi	03/02/06			Ấp 2	KTNTE	600	1.500	
2423	53	Đào Thị Kim Phụng		06/23/82	271747248	Ấp Suối Quýt	KTNCT	600	1.500	
2424	54	Lê Duy Thăng	07/24/97			ấp 1	KTNCT	600	1.500	
2425	55	Lê Dương Nguyệt Quế		04/24/01		ấp 11 - Bình Sơn	KTNCT	600	1.500	
2426	56	Lê Quang Vinh	01/01/77			Suối Quýt	KTNCT	600	1.500	
2427	57	Lương Mạnh Cường	01/01/69			ấp 2	KTNCT	600	1.500	
2428	58	Lương Tâm Tấn Tài	08/23/91		271976831	Ấp 2	KTNCT	600	1.500	
2429	59	Ngô Anh Khoa	07/07/01			ấp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	
2430	60	Nguyễn Linh Hằng		10/26/03		Cẩm Đường	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2431	61	Nguyễn Quang Linh	03/31/03			Suối quýt	KTDBN	600	1.500	
2432	62	Nguyễn Thành Phương	05/01/83		272107964	Tổ 7, ấp Cẩm Đường	KTDBN	600	1.500	
2433	63	Nguyễn Thị Ngọc Lan		01/01/85		Ấp 1	KTDBN	600	1.500	
2434	64	Nguyễn Thị Thanh		1965	272115710	Ấp 2	KTDBN	600	1.500	
2435	65	Nguyễn Thị Thanh Thủy		18/11/1987	272078865	Suối Quýt	KTDBN	600	1.500	
2436	66	Nguyễn Văn Huyền	01/01/70			Suối Quýt	KTDBN	600	1.500	
2437	67	Nguyễn Văn Thorm	00/001987			Tổ 3, Suối Quýt	KTDBN	600	1.500	
2438	68	Phạm Thái Châu	11/05/03			Ấp 1	KTDBN	600	1.500	
2439	69	Trần Nhật Phong	04/16/94		272514107	Tổ 3, Suối Quýt	KTDBN	600	1.500	
2440	70	Trần Thị Hồng Yến		09/20/93		Ấp 1	KTDBN	600	1.500	
2441	71	Trần Thị Khánh		01/01/68		Suối quýt	KTDBN	600	1.500	
2442	72	Trần Trung Quang	05/05/72		272383969	ấp Cẩm Đường	KTDBN	600	1.500	
2443	73	Uông Văn Lộc	07/10/75			Ấp 1	KTDBN	600	1.500	
2444	74	Vũ Thành Luân	08/04/97		272006621	Suối Quýt	KTDBN	600	1.500	
2445	75	Bùi Văn Đối	01/01/54		271747248	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
2446	76	Đào Thị Kim Dung		12/15/50	270674241	Tổ 3, Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2447	77	Lã Thị Hạnh		01/01/51	270674652	Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2448	78	Lâm Thị Mến		03/03/56	270285892	Tổ 3, ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
2449	79	Nguyễn Đình Hương	07/10/1958		272113829	Ấp Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2450	80	Nguyễn Thị Bé		01/01/36	270674389	Tổ 3, ấp Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2451	81	Nguyễn Thị Hiền		01/01/34	270285712	Tổ 6, ấp Cẩm Đường	KTDBNCT	750	1.500	
2452	82	Nguyễn Thị Liên		1957	270674877	Suối quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2453	83	Nguyễn Thị Oanh		00/00/1938	270674339	Tổ 1, Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2454	84	Nguyễn Thị Sen		1935	270674874	Suối quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2455	85	Nguyễn Thị Tha		1944	270674878	Suối quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2456	86	Nguyễn Thị Tho		1925		Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2457	87	Phạm Thị Phương		01/01/50	272113527	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
2458	88	Trần Thị Dầu		1933	150227599	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
2459	89	Trần Thị Hạt		01/01/1937	272771038	Tổ 2 ấp Suối Quýt	KTDBNCT	750	1.500	
2460	90	Võ Thị Xinh		02/03/40	280013216	Tổ 6, Ấp Cẩm Đường	KTDBNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
2461	91	Mai Hoàng Anh Phát	12/30/17			Tổ 3, Suối Quýt, Cẩm Đường	KTĐBNTE	750	1.500	
2462	92	Nguyễn Hồng Quý	11/22/07			Áp Cẩm Đường	KTĐBNTE	750	1.500	
2463	93	Nguyễn Lý Bảo Trân		02/02/11		Áp 2	KTĐBNTE	750	1.500	
2464	94	Phạm Mạnh Trí	11/05/10			áp Cẩm Đường	KTĐBNTE	750	1.500	
2465	95	Trần Thế Khang	09/22/05			áp Cẩm Đường	KTĐBNTE	750	1.500	
2466	96	Bùi Thị Liễu		05/07/34	270674196	Suối Quýt	CT	300	1.500	
2467	97	Bùi Thị Tề		01/01/1936	270674253	Áp Suối Quýt	CT	300	1.500	
2468	98	Bùi Thị Ty		01/01/36	270674907	Tổ 3, áp Suối Quýt	CT	300	1.500	
2469	99	Dương Thị Tiến		1932	272673803	Áp 2	CT	300	1.500	
2470	100	Dương Viên	03/16/37		272113983	Tổ 5, áp 1	CT	300	1.500	
2471	101	Đặng Mỹ Anh		06/18/38	270291477	Áp 7, Bình Sơn	CT	300	1.500	
2472	102	Đặng Thị Lan Anh		00/00/1935	270674131	Tổ 6, áp Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2473	103	Đặng Thị Văn		01/01/36	270715342	Tổ 4, áp 1	CT	300	1.500	
2474	104	Đặng Văn Năm	01/01/38			Tổ 5, Áp 1	CT	300	1.500	
2475	105	Đinh Thị Hằng		00/00/1935	270674666	áp Suối Quýt	CT	300	1.500	
2476	106	Đoàn Thị Khi		01/01/38	272113648	Tổ 5, Áp 1, Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2477	107	Đỗ Thanh Cao	01/01/25		270285496	áp 1	CT	300	1.500	
2478	108	Đỗ Thanh Long	01/29/40		280895879	Tổ 4, Áp 2, Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2479	109	Đỗ Thanh Mẫn	02/01/38			Tổ 3, Suối Quýt, Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2480	110	Đỗ Thị Đào		02/12/34	270645151	Tổ 7, áp Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2481	111	Đỗ Thị Ngoan		01/01/39	272147217	Tổ 2, Suối Quýt	CT	300	1.500	
2482	112	Đỗ Thị Quy		01/01/34	270247894	Tổ 7, áp Cẩm Đường	CT	300	1.500	
2483	113	Hà Thị Ty		04/10/34	272115533	Suối Quýt	CT	300	1.500	
2484	114	Hoàng Ngọc Lân	01/01/27		270715053	áp 1	CT	300	1.500	
2485	115	Hoàng Thị Liên		01/01/34	272370402	Tổ 4, Áp 1, Cẩm Đường	CT	300	1.500	